

BÁO CÁO CẬP NHẬT NGẮN KQKD QUÝ 3/2024

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN KIDO | KDC (HOSE)

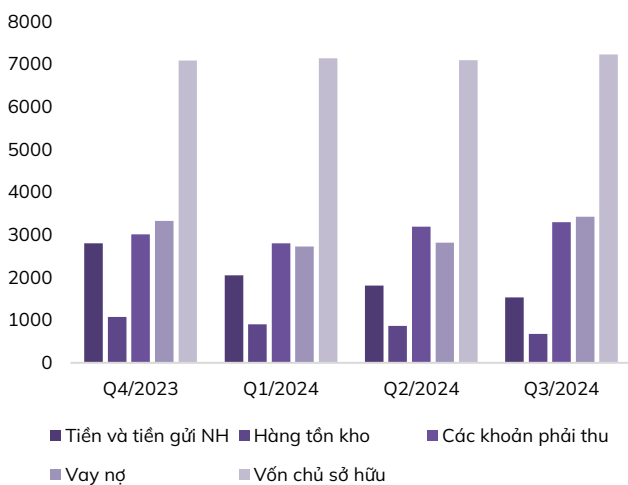
Ngày 09/12/2024

Analyst: Kiều Thị Thanh Thư

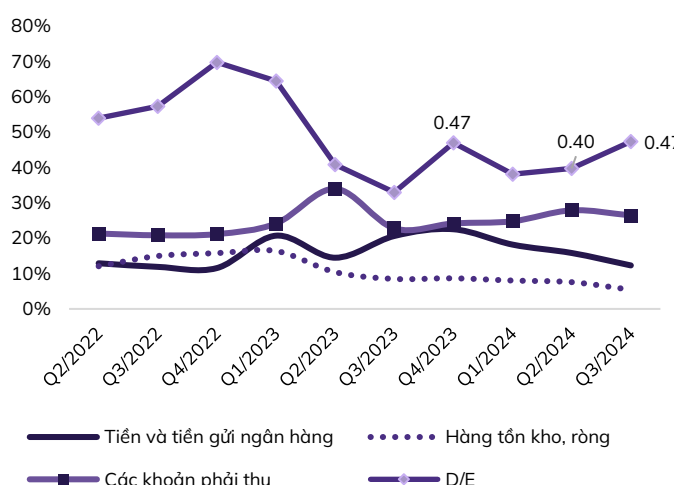
Kết quả kinh doanh tóm tắt	Q3/2024	Q3/2023	%svck	9T2024	9T2023	%svck	Nhận xét
Doanh thu thuần	2,244	2,303	-2.6%	5,776	6,670	-13.4%	Doanh thu thuần Q3/2024 của KDC đạt 2.244 tỷ đồng (-2,6% svck), lũy kế 9T2024 doanh thu thuần đạt 5.776 tỷ đồng (-13,4% svck). Ngành đầu ăn chiếm tỷ trọng chính (75%-80%) trong cơ cấu doanh thu của KDC. Doanh thu ngành này sụt giảm 7,9% svck năm 2023, Trong khi đó, doanh thu các ngành khác (ngành bánh, ngành lạnh...) tăng trưởng 29,3% trong Q3/2024 tuy nhiên lũy kế 9T2024 sụt giảm 30,6%. Phần lớn doanh thu ngành lạnh trong năm 2023 đã bị thay thế bởi ngành bánh trong năm 2024.
- Ngành đầu ăn	1,798	1,951	-7.9%	4,646	5,042	-7.9%	
- Ngành khác	455	352	29.3%	1,130	1,628	-30.6%	
Lợi nhuận gộp	422	443	-4.8%	1,051	1,151	-8.7%	Lợi nhuận gộp Q3/2024 đạt 422 tỷ đồng (-4,8% svck), lũy kế 9T2024 lợi nhuận gộp đạt 1.051 tỷ đồng (-8,7% svck)
<i>Biên lợi nhuận gộp (%)</i>	18.8%	19.2%		18.2%	17.3%		
Chi phí bán hàng	(326)	(263)	23.8%	(810)	(985)	-17.8%	Chi phí bán hàng tăng mạnh trong Q3/2024 phần lớn đến từ chi phí nhân viên và chi phí quảng cáo, khuyến mại. Tuy nhiên nhờ chi phí bán hàng 6 tháng đầu năm 2024 thấp hơn nhiều so với 2023, lũy kế 9T2024 chi phí bán hàng giảm 17,8% svck, đạt 810 tỷ đồng
Chi phí quản lý doanh nghiệp	(128)	(83)	53.8%	(330)	(379)	-12.8%	Chi phí quản lý doanh nghiệp trong Q3/2024 cũng tăng mạnh 53,8% svck, đạt 128 tỷ đồng. Tuy nhiên lũy kế 9T2024 chi phí QLDN lại giảm 12,8% svck nhờ chi phí 6 tháng đầu năm thấp hơn nhiều svck
<i>Chi phí BH&QLDN/DTT</i>	-20.2%	-15.0%		-19.7%	-20.4%		
Doanh thu hoạt động tài chính	35	49	-29.3%	123	1,274	-90.3%	Doanh thu hoạt động tài chính Q3/2024 giảm 14 tỷ đồng (-29,3% svck) chủ yếu do lãi tiền gửi giảm, tuy nhiên lũy kế 9T2024 không còn ghi nhận khoản thanh lý đầu tư như cùng kỳ năm ngoái , do vậy doanh thu hoạt động tài chính sụt giảm mạnh 90,3% svck
Chi phí tài chính	(33)	(52)	-36.9%	(90)	(225)	-59.8%	Chi phí tài chính Q3/2024 đạt 33 tỷ đồng (-36,9% svck) nhờ lãi vay đều giảm trong khi dư nợ vay cao hơn, tuy nhiên tính chung 9T dư nợ vay và lãi vay trong năm 2024 đều giảm svck, do vậy chi phí tài chính 9T2024 giảm mạnh 59,8% svck
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	(31)	(47)	-34.7%	(87)	(203)	-57.4%	
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	14	124	-88.5%	68	883	-92.3%	
Lãi/(lỗ) ròng trước thuế	15	115	-86.6%	70	871	-91.9%	
LNST cổ đông công ty mẹ	24	74	-66.9%	36	673	-94.7%	LNST cổ đông công ty mẹ Q3/2024 đạt 24 tỷ đồng, giảm 66,9% svck, lũy kế cả năm LNST cổ đông công ty mẹ đạt 36 tỷ đồng (-94,7% svck)
<i>Biên lợi nhuận ròng (%)</i>	1.1%	3.2%		0.6%	10.1%		

Nguồn: KDC, ABS Research

Bảng tài sản, nguồn vốn: các hạng mục chính

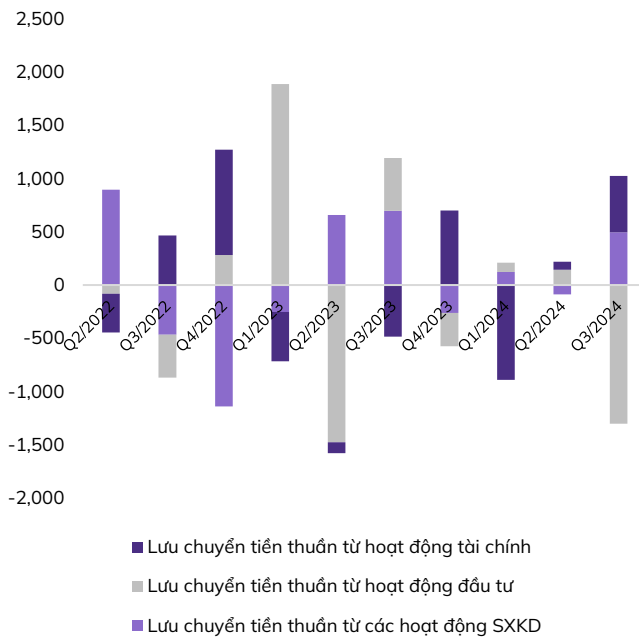


Bảng tài sản: Tỷ trọng các hạng mục so với Tổng tài sản (%)



Nguồn: KDC, ABS Research

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ đồng)



Nhận xét

- Tổng tài sản đạt của KDC tại Q3/2024 đạt 12.447 tỷ đồng, gần như không thay đổi so với đầu năm.
- Tiền và tiền gửi ngắn hạn giảm mạnh 45,4% sv đầu năm, đạt 1.532 tỷ đồng, chiếm 12,3% TTS.
- Hàng tồn kho sụt giảm mạnh 37,4% sv đầu năm, đạt 674 tỷ đồng. Tỷ trọng HTK cũng không lớn so với TTS, chỉ chiếm 5,4%. Với việc trữ ít HTK như vậy công ty sẽ không bị động vốn tuy nhiên giá vốn của công ty sẽ chịu nhiều biến động theo giá thị trường,
- Các khoản phải thu tăng 9,7% sv đầu năm, đạt 3.294 tỷ đồng, chiếm 9,5% TTS. Trong đó tỷ trọng khoản phải thu về cho vay ngắn hạn và tạm ứng đầu tư chiếm đến 88% các khoản phải thu.
- Vay nợ tăng nhẹ 3% so với đầu năm, tuy nhiên tỷ trọng các khoản vay dịch chuyển sang dài hạn với vay dài hạn tăng 160% lên 1.302 tỷ đồng, trong khi đó vay ngắn hạn giảm 25%, còn 2.124 tỷ đồng. Vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp tăng nhẹ 2%, đạt 7.227 tỷ đồng. Tỷ lệ D/E ở mức an toàn, đạt 0,47 lần, không thay đổi so với đầu năm tuy nhiên tăng nhẹ so với Q1 và Q2/2024.
- Dòng tiền thuần từ HĐ SXKD đạt 496,4 tỷ đồng, lũy kế 9T2024 dòng tiền từ HĐ SXKD đạt 531.8 tỷ đồng. Nhìn chung dòng tiền kinh doanh trong năm 2024 vẫn đang tích cực.

Nguồn: KDC, ABS Research

Đánh giá và Khuyến nghị

- LNST cổ đông công ty mẹ của KDC đạt 36 tỷ đồng, thấp hơn dự phóng trước đó của chúng tôi do việc chuyển hướng cơ cấu kinh doanh không đạt thành công như dự tính. ABS Research hạ dự phóng LNST năm 2024F xuống còn 60 tỷ đồng. EPS và BVPS 2024F ước tính là 224 đ/cp và 23.527 đ/cp, tương ứng P/E và P/B đạt 223 và 2.1 tại mức giá giao dịch hiện tại. ROE 2024F dự kiến đạt 1,2%.

PHỤ LỤC CÁC HẠNG MỤC CHÍNH CỦA KDC

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
Doanh thu thuần	8,324	10,497	12,535	8,650
Giá vốn hàng bán	(6,559)	(8,446)	(10,262)	(7,113)
Lợi nhuận gộp	1,765	2,051	2,274	1,536
Doanh thu tài chính	81	160	250	1,330
Chi phí tài chính	(144)	(194)	(274)	(1,017)
Chi phí bán hàng	(1,044)	(1,197)	(1,446)	(1,181)
Chi phí QLDN	(422)	(243)	(409)	(422)
Lợi nhuận từ HĐKD	408	689	499	322
Lãi/lỗ khác	(5)	(5.9)	(20.2)	(13.5)
Lợi nhuận trước thuế	416	688	511	323
Lợi nhuận sau thuế	330	653	375	135
LNST cổ đông Công ty mẹ	204	590	363	143

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
LCT thuần từ HĐKD	97	(21)	(381)	838
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	334	(1,243)	(300)	582
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	147	1,443	499	(336)
LCT thuần trong kỳ	578	179	(181)	1,084
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	525	1,102	1,281	1,100
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	1,102	1,281	1,100	2,185

Chỉ số tài chính	2020	2021	2022	2023
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1.44	1.30	1.29	1.65
Khả năng thanh toán nhanh	0.90	0.71	0.75	1.22
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.29	0.24	0.20	0.52
Khả năng thanh toán lãi vay	2.42	3.44	1.80	(0.28)
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.62	0.49	0.50	0.57
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.38	0.51	0.50	0.43
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.33	0.65	0.70	0.47
Chỉ số hiệu suất hoạt động				
Số ngày phải thu	26.53	19.40	15.20	18.74
Số ngày phải trả	25.23	28.63	23.62	25.02
Số ngày tồn kho	59.14	80.25	83.92	84.56
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	21.2%	19.5%	18.1%	17.8%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	4.9%	6.6%	4.0%	3.7%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	2.4%	5.6%	2.9%	1.7%
ROE	3.5%	9.5%	5.4%	2.1%
ROA	1.7%	4.5%	2.6%	1.1%
ROIC	0.7%	0.3%	1.1%	-0.4%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2020	2021	2022	2023
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	1,102	1,281	1,100	2,185
+ Đầu tư ngắn hạn	687	481	523	619
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2,328	2,552	2,949	2,957
+ Hàng tồn kho	1,211	2,495	2,212	1,072
+ Tài sản ngắn hạn khác	149	204	196	131
Tài sản ngắn hạn	5,477	7,014	6,980	6,964
+ Các khoản phải thu dài hạn	57	64	43	22
+ Tài sản cố định	2,677	2,541	2,628	2,582
+ Bất động sản đầu tư	5	5	4	4
+ Tài sản dở dang dài hạn	56	168	75	5
+ Đầu tư dài hạn	3,754	3,953	3,975	2,043
+ Tài sản dài hạn khác	323	328	299	771
Tài sản dài hạn	6,872	7,059	7,024	5,427

Tổng Tài sản	12,349	14,073	14,005	12,391
+ Vay ngắn hạn	2,541	3,501	4,168	2,826
+ Phải trả người bán	546	779	549	426
+ Nợ ngắn hạn khác	719	1,117	710	962
Nợ ngắn hạn	3,805	5,397	5,427	4,214
+ Vay dài hạn	9	998	752	501
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	836	783	773	562
Nợ dài hạn	844	1,781	1,525	1,063
Tổng nợ phải trả	4,650	7,178	6,952	5,277
+ Vốn cổ phần	2,797	2,797	2,797	2,898
+ Thặng dư vốn cổ phần	3,850	2,971	3,107	3,157
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	840	1,790	1,619	1,518
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	7,699	6,895	7,053	7,114
Tổng cộng nguồn vốn	12,349	14,073	14,005	12,391

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2020	2021	2022	2023
Tăng trưởng doanh thu	15.4%	26.1%	19.4%	-31.0%
Tăng trưởng LNNT	46.9%	65.3%	-25.8%	-36.7%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	36.9%	189.8%	-38.6%	-60.5%
Tăng trưởng EPS	15.3%	206.3%	-36.7%	-65.5%
Tăng trưởng VCSH	9.0%	0.0%	0.0%	3.6%
Tăng trưởng Tổng tài sản	3.5%	14.0%	-0.5%	-11.5%

Định giá (lần)	2020	2021	2022	2023
P/E	79.46	30.30	47.52	111.63
P/B	2.60	2.60	2.51	2.13
EV/EBITDA	28.93	23.65	30.99	88.79
EV/Sales	1.96	1.98	1.70	1.84
EPS (đồng/cp)	668	2,047	1,296	447
BVPS (đồng/cp)	20,459	23,854	24,499	23,445

Nguồn: Finpro, ABS Research

GIỚI HẠN CỦA BÁO CÁO VÀ MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

- 1) Các thông tin định giá trong báo cáo này chỉ nhằm tư vấn đánh giá tín dụng cho cổ phiếu và sử dụng cho các mục đích nội bộ của CTCP Chứng khoán An Bình ("Chúng tôi"). Báo cáo này không bao gồm hàm ý định giá giá trị doanh nghiệp và được sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.
- 2) Kết quả đánh giá tín dụng chỉ phản ánh giá trị của tài sản tại thời điểm đánh giá.
- 3) Mặc dù tất cả thông tin trình bày trong báo cáo này được thu thập hoặc phát triển từ nguồn thông tin công khai mà Chúng tôi cho là đáng tin cậy, (các) tác giả của báo cáo này, CTCP Chứng khoán An Bình hay thành viên Hội đồng Quản trị, cán bộ hay nhân viên của CTCP Chứng khoán An Bình không đưa ra bất kỳ tuyên bố, cam đoan hay bảo đảm nào, dù rõ ràng hay ngụ ý, về sự chính xác, tính trung thực hay sự đầy đủ của các thông tin đó.
- 4) Không có bên nào khác được quyền căn cứ vào bất kỳ phần nào của bản báo cáo của Chúng tôi hay các thông tin liên quan trừ khi được cho phép bằng văn bản của Chúng tôi. CTCP Chứng khoán An Bình không chịu bất cứ trách nhiệm nào xảy ra từ việc sử dụng trái phép báo cáo.